

Bản án số 95/2026/HS-ST
Ngày 28.5.2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình và bà Lê Thị Nhó

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thùy Dương - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2026/TLST - HS ngày 17 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1016/2026/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN VĂN D**; Giới tính: Nam. Sinh ngày 11 tháng 9 năm 1986 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi đăng ký HKTT: Không xác định. Nơi ở hiện tại: Không có nơi cư trú ổn định. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông Trần Văn B, sinh năm 1963 và bà Lê Thị H, sinh năm 1961 (đã chết). Có vợ là Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1991 (không đăng ký kết hôn), có 01 con sinh năm 2011.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Quyết định số 19/2024/QĐ-TA ngày 19/4/2024 của TAND quận Hải Châu (cũ), thành phố Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 10/02/2025.

- Nhân thân:

+ Bản án số 83/2005/HSST ngày 30/11/2005 của TAND thành phố Đà Nẵng và Bản án số 148/2006/HSPT ngày 17/4/2006 của TAND tối cao tại Đà Nẵng xử phạt Trần Văn D 03 (ba) năm tù giam về tội “Cướp tài sản”.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐ-XPVPHC ngày 16/02/2020 của Công an phường H (cũ), TP.Đà Nẵng xử phạt 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) về hành vi “Gây rối trật tự khu dân cư”.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 142/QĐ-XPHC ngày 11/10/2021 của Công an quận T (cũ), thành phố Đà Nẵng xử phạt 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Có lời nói, hành động đe dọa, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thi hành công vụ”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2026, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam C, Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Đ, có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 28/01/2026, Trần Văn D đi lang thang đến khu vực chân cầu T, phường H, thành phố Đà Nẵng thì gặp người tên K (không rõ nhân thân, lai lịch). D hỏi K có biết chỗ nào bán ma túy đá, lấy giúp cho D 300.000 đồng thì K đồng ý. D đưa cho K 300.000 đồng, K cầm lấy và đi đâu đó, khoảng 15 phút sau K quay lại đưa cho D 01 gói ma túy đá và 01 nỏ thủy tinh. D cất giấu ma túy và nỏ thủy tinh trong người. Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày, D đi bộ đến phía sau một nhà tạm bỏ hoang tại khu đất trống trên đường N, phường T, thành phố Đà Nẵng rồi lấy ma túy đá ra sử dụng. Sau khi sử dụng xong, D vứt bộ dụng cụ sử dụng vào thùng rác gần khu vực nhà bỏ hoang. Đến ngày 31/01/2026, Công an phường T, thành phố Đà Nẵng tiến hành kiểm danh, kiểm diện, xét nghiệm chất ma túy đối với Trần Văn D xác định D dương tính với ma túy.

Trong thời gian chờ xử lý, khoảng 20 giờ 30 phút ngày 13/02/2026, Trần Văn D đi lang thang dọc đường N, phường T, thành phố Đà Nẵng. Khi đến khu vực miếu T hình chiếc thuyền (gần cầu P), phường T, thành phố Đà Nẵng, D vào miếu thờ ngòai nghỉ thì gặp một người nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) đang sử dụng ma túy đá nên D đến xin sử dụng. Người này đồng ý nên D hút một hơi ma túy đá rồi ngòai nghỉ tại miếu T1. Sau đó, D đi đến thúng câu ngoài bãi biển nằm ngủ. Đến 13 giờ ngày 14/02/2026, Công an phường T, thành phố Đà Nẵng triệu tập D về trụ sở, xét nghiệm chất ma túy thì phát hiện D dương tính với ma túy.

Tại Kết luận giám định số 303/KL-KTHS ngày 06/02/2026 của Phòng K1 Công an thành phố Đ kết luận: “*Mẫu nước tiểu của Trần Văn D đựng trong 01 chai nhựa niêm phong ký hiệu D1 gửi giám định có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.*”

Tại Kết luận giám định số 362/KL-KTHS ngày 27/02/2026 của Phòng K1 Công an thành phố Đ kết luận: “*Mẫu nước tiểu của Trần Văn D đựng trong 01 chai nhựa niêm phong ký hiệu V1 gửi giám định có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine.*”

Trần Văn D hiện đang thuộc diện quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết

định số 93/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 của Công an phường H (cũ), nay là phường H, thành phố Đà Nẵng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 bì giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài, đóng dấu đỏ của Phòng K1 Công an thành phố Đ và các chữ ký xác nhận ghi họ tên Giám định V và Điều tra viên, bên trong có 01 vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu ký hiệu D1 và bao gói mẫu hoàn trả.

- 01 bì giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài, đóng dấu đỏ của Phòng K1 Công an thành phố Đ và các chữ ký xác nhận ghi họ tên Giám định V và Điều tra viên, bên trong có 01 vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu ký hiệu V1 và bao gói mẫu hoàn trả.

- 02 que thử test ma túy của Trần Văn D được niêm phong theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Văn D về tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu luận tội, giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” và áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo D mức án từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Đồng thời tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm 01 bì giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài, đóng dấu đỏ của Phòng K1 Công an thành phố Đ và các chữ ký xác nhận ghi họ tên Giám định V và Điều tra viên, bên trong có 01 vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu ký hiệu D1 và bao gói mẫu hoàn trả; 01 bì giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài, đóng dấu đỏ của Phòng K1 Công an thành phố Đ và các chữ ký xác nhận ghi họ tên Giám định V và Điều tra viên, bên trong có 01 vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu ký hiệu V1 và bao gói mẫu hoàn trả.

Tại phiên tòa, bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và nói lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp là cơ sở để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trần Văn D là đối tượng đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 13/02/2025 đến ngày 13/02/2027 theo Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 của UBND phường H (cũ), nay là phường H, thành phố Đà Nẵng. Nhưng vào ngày 28/01/2026 và ngày 13/02/2026, Trần Văn D tiếp tục có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo D thuộc trường hợp “*Đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật phòng chống ma túy*” nên đã phạm tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Bị cáo Trần Văn D sau khi đã chấp hành xong biện pháp cai nghiện bắt buộc và đang thuộc đối tượng quản lý sau cai nghiện nhưng không tu dưỡng, rèn luyện để từ bỏ ma túy mà chỉ trong thời gian ngắn bị cáo tiếp tục sử dụng ma túy. Cụ thể, khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 28/01/2026, bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy tại khu đất trống đường N, phường T, thành phố Đà Nẵng và vào lúc 20 giờ 30 phút, ngày 13/02/2026, bị cáo tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine tại bãi biển N. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước trong công tác phòng, chống ma túy mà còn thể hiện sự coi thường pháp luật, bất chấp các biện pháp giáo dục, quản lý hành chính đã được áp dụng.

Về nhân thân, bị cáo là người đã bị xét xử 01 lần về tội “*Cướp tài sản*” vào năm 2005 và nhiều lần bị xử lý vi phạm hành chính, hiện nay bị cáo đang có 01 tiền sự về ma túy. Do vậy, Hội đồng xét xử cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng với tính chất hành vi và nhân thân của bị cáo, cần tiếp tục cách ly bị cáo một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hai lần sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 28/01/2026 và ngày 13/02/2026 nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “*Phạm tội hai lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng:

- 01 bì giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài, đóng dấu đỏ của Phòng K1 Công an thành phố Đ và các chữ ký xác nhận ghi họ tên Giám định V và Điều tra viên, bên trong có 01 vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu ký hiệu D1 và bao gói mẫu hoàn trả và 01 bì giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài, đóng dấu đỏ của Phòng K1 Công an thành phố Đ và các chữ ký xác nhận ghi họ tên Giám định V và Điều tra viên, bên trong có 01 vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu ký hiệu V1 và bao gói mẫu hoàn trả là vật không còn giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 que thử test ma túy là chứng cứ kèm theo hồ sơ vụ án.

[7] Đối với người thanh niên cho bị cáo sử dụng ma túy tại bãi biển N và đối tượng tên K mua ma túy giúp cho D hiện nay chưa xác định được nhân thân lai lịch nên chưa có cơ sở xử lý.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”

2. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 256a, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn D **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 02 năm 2026.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 bì giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài, đóng dấu đỏ của Phòng K1 Công an thành phố Đ và các chữ ký xác nhận ghi họ tên Giám định V và Điều tra viên, bên trong có 01 vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu ký hiệu D1 và bao gói mẫu hoàn trả và 01 bì giấy dán kín và dán băng keo bên ngoài, đóng dấu đỏ của Phòng K1 Công an thành phố Đ và các chữ ký xác nhận ghi họ tên Giám định V và Điều tra viên, bên trong có 01 vỏ chai nhựa đựng mẫu nước tiểu ký hiệu V1 và bao gói mẫu hoàn trả.

Vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Đà Nẵng theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 15.4.2026.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND KV 3 - Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Tòa án ND TP Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra CA TP Đà Nẵng;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Cơ quan THAHS CA TP Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án.



Đặng Ngọc Cường

